

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Ngọc

2/ Ông Từ Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2017/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2018/QĐST - HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Kim L, sinh năm 1976; tạm trú: Số 14/6 khu phố Đ2, phường A, thị xã D, tỉnh B. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Văn N, sinh năm 1973; tạm trú: Số 14/6 khu phố Đ2, phường A, thị xã D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 01 năm 2018 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trịnh Kim L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Năm 2006, chị và anh N phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Nhứt có quan hệ với người phụ nữ khác. Chị và anh N đã sống ly thân từ năm 2015 nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh N nên yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa chị và anh Phan Văn N.

- Về con chung: Quá trình sống chung, chị và anh N có 02 con chung tên Phan Bích Nh, sinh ngày 05/11/1995 và Phan Duy A, sinh ngày 23/7/2002. Sau

khi Tòa án không công nhận vợ chồng, chị L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Duy A, sinh ngày 23/7/2002, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Phan Bích Nh đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quyền, nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Văn N đã được Tòa án thông báo tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh N không đến Tòa án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Chị Trịnh Kim L và anh Phan Văn N chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn nên là hôn nhân không hợp pháp. Do đó yêu cầu khởi kiện của chị L là có căn cứ, đề nghị hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý vụ án: Chị Trịnh Kim L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Phan Văn N, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây là vụ án là tranh chấp ly hôn, nuôi con. Bị đơn có địa chỉ tạm trú tại phường A, thị xã D, tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh B.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phan Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Kim L và anh Phan Văn N chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và khoản 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 về hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ giữa chị Trịnh Kim L và anh Phan Văn N do không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, vì vậy yêu cầu không công nhận vợ chồng của chị Trịnh Kim L là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Sau khi Tòa án không công nhận vợ chồng, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Duy A, sinh ngày 23/7/2002, không yêu cầu anh N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, trong thời gian trước đây và hiện nay con chung do chị L trực tiếp nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt. Đồng thời, tại bản tự khai ngày 05/3/2018 cháu Duy A có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của chị nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đối với cháu Phan Bích Nh đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm nhân dân thị xã D, tỉnh B.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Kim L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trịnh Kim L và anh Phan Văn N.

2. Về con chung: Buộc anh Phan Văn N giao con chung tên Phan Duy A, sinh ngày 23/7/2002 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Phan Bích Nh, sinh ngày 05/11/1995 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án không công nhận vợ chồng, chị L và anh N đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh N lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị L nuôi con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh N theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trịnh Kim L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018878 ngày 31 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh B.

5. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND thị xã D;
- Chi cục THADS thị xã D;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Liên

